

Bản án số: 267/2024/DS-ST  
Ngày 16-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Mỹ Hương và ông Lý Tuấn Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 469/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (S).

Địa chỉ: Số A T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Đ: Ông Nguyễn Hồ K, sinh năm 1993. Địa chỉ liên hệ: 1 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Ngô Tuấn T, sinh năm 1976 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số E, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung vụ án thể hiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

1. Ngày 05/12/2017, ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số: 66/2017/HĐTD-TDH/CN với Ngân hàng TMCP Đ –

Chi nhánh A với nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe tiêu dùng;
- Thời hạn: 60 tháng tính từ ngày 05/12/2017 đến ngày 14/12/2022;
- Lãi suất cho vay: Trong hạn: Lãi suất cho vay ưu đãi: 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Lãi suất sau ưu đãi bằng lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm lãi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + Biên độ 3,7%/năm. Lãi suất cho vay được thay đổi định kỳ vào ngày đầu mỗi quý. Lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng và các Giấy (khế ước) nhận nợ được điều chỉnh theo thông báo của S trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm đối với dư nợ lãi chậm trả;
- S đã giải ngân cho ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N đã nhận nợ: 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/12/2017.

2. Đề nghị vay vốn kiêm phương án vay trả nợ khoản vay mua ô tô tiêu dùng SeACar và đề nghị kèm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/12/2017 đứng tên ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N với hạn mức 100.000.000 đồng.

3. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Chiếc xe ô tô biển số kiểm soát: 67A-074.62; nhãn hiệu Hyundai; số loại: Santafe DM3; số khung: RLUSV81XDHN009058; số máy: D4HBHU582374; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014372 do Phòng C – Công an tỉnh A ngày 05/12/2017 do ông Ngô Tuấn T đứng tên chủ sở hữu.

Việc thế chấp đã được ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N và S ký Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông 66/2017/HĐTC-TDH/CN ngày 05/12/2017 để đảm bảo các khoản vay cho ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngoài tài sản đảm bảo trên thì ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N cam kết dùng các khoản thu nhập, tài sản khác của mình để đảm bảo cho khoản vay tại S.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho S. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N trả nợ nhưng ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 16/8/2024, ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N đã trả cho S số tiền 490.924.845 đồng (gốc 349.999.986 đồng và lãi 140.924.859 đồng), còn nợ S số tiền sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số: 66/2017/HĐTD-TDH/CN: vốn gốc 650.000.014 đồng, lãi trong hạn 131.449.875 đồng, lãi quá hạn là 436.698.323 đồng, tổng vốn, lãi là 1.218.148.212 đồng.



- Thẻ tín dụng: vốn gốc là 98.586.972 đồng, lãi quá hạn là 239.674.433 đồng; tổng vốn, lãi là 338.261.405 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi của các hợp đồng tín dụng là vốn gốc 748.586.986 đồng, lãi trong hạn 131.449.875 đồng, lãi quá hạn là 676.372.756 đồng; tổng vốn, lãi là 1.556.409.617 đồng.

*Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Buộc ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số: 66/2017/HĐTD-TDH/CN ngày 05/12/2017 và Đề nghị kèm hợp đồng hạn mức, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/12/2017, với tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 16/8/2024 là 1.556.409.617 đồng.

- Buộc ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số: 66/2017/HĐTD-TDH/CN ngày 05/12/2017 và Đề nghị kèm hợp đồng hạn mức, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 13/12/2017, kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông 66/2017/HĐTC-TDH/CN ngày 05/12/2017 để xử lý thu hồi nợ cho S, tài sản là: Chiếc xe ô tô con biển số kiểm soát: 67A-074.62; nhãn hiệu Hyundai; số loại: Santafe DM3; số khung: RLUSV81XDHN009058; số máy: D4HBHU582374; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014372 do Phòng C – Công an tỉnh A ngày 05/12/2017 do ông Ngô Tuấn T đứng tên chủ sở hữu.

- Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được thì ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại các tài sản và nguồn thu khác của ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho S.

\* Bị đơn ông Ngô Tấn T1 thống nhất có nợ Ngân hàng số tiền như Ngân hàng đã trình bày, đồng ý toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn ông T1 chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Đối với bà N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bảng kê tính lãi ngày 16/8/2024; Hợp đồng tín dụng; Đề nghị kèm hợp đồng hạn mức, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân; Hợp đồng thế chấp; Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm.....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng khác đúng quy định bà N vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết: Ông T1, bà N với S thỏa thuận ký các hợp đồng tín dụng vay tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Ông T1, bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết dẫn đến nợ quá hạn. Đến ngày 16/8/2024 ông T1, bà N còn nợ S số tiền vốn, lãi là 1.556.409.617 đồng.

Các Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.



Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 16/8/2024 là 1.556.409.617 đồng và tiếp tục tính lãi, phí phát sinh từ ngày 17/8/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 66/2017/HĐTC-TDH/CN ngày 05/12/2017: Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và điểm a khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, S yêu cầu trường hợp ông T1, bà N không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận: “Ngoài tài sản bảo đảm được nêu tại phần A Hợp đồng này, Bên được cấp tín dụng cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ vay tại S”. Nên S yêu cầu nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S thì ông T1, bà N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T1, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (1.556.409.617 đồng) là 58.692.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N.

- Buộc ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 16/8/2024 là 1.556.409.617 đồng (Trong đó vốn gốc 748.586.986 đồng, lãi trong hạn 131.449.875 đồng, lãi quá hạn là 676.372.756 đồng).

- Ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông 66/2017/HĐTC-TDH/CN ngày 05/12/2017 để thu hồi toàn bộ vốn, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi trả xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Ông Ngô Tuấn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 58.692.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 28.228.000 đồng theo Biên lai thu số: 0001991 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Mỹ Hương   Lý Tuấn Phong**

**Lê Thị Hồng Thi**















***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm*

*2015*

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3



Trong hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi